

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 / 6 /2020

"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Mạnh Dũng, ông Nguyễn Quang Liêu

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 65/2020/ TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 , về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65 /2020 / QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Th H; Sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ : thôn 9, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: anh Nguyễn Đ T; Sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 9, xã Đ L , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Th H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Đ T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, quá trình sống chung đến năm 2019 thì anh Nguyễn Đ T thường xuyên uống rượu, bạo lực gia đình, trước đây tôi có nộp đơn xin ly hôn lên Tòa án, qua hòa giải tôi rút đơn về tha thứ cho anh Tuấn nhưng anh Tuấn không hề thay đổi, vợ chồng phát sinh ngày càng nhiều mâu thuẫn, hay bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đ T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đ T vắng mặt nhưng qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng nhưng nhỏ nhặt, không đồng ý ly hôn,

Về con chung, tài sản, nợ chung đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đ T, nay chị Trần Thị H xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đ T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, số đăng ký 06, quyển số 01 ngày 02/2/1991, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đ T và chị Trần Thị H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Nguyễn Đ T và chị Trần Thị H đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng từ lâu, các bên đều thừa nhận, và chị Hoàng đã nộp đơn xin ly hôn lên Tòa án và rút đơn về, thời gian sau lại nộp đơn xin ly hôn, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm gia đình, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đ T.

4/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5/ Về án phí: chị Trần Thị H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 06, quyển số 01 ngày 02/2/1991 do UBND xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. nên không xem xét.

3/ Về án phí: chị Trần Thị H nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010119 ngày 25/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên